

**CÔNG TY TNHH MTV ĐÔNG PHONG DEVELOP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV ĐÔNG PHONG DEVELOP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400819710

**3. Ngày thành lập:** 31/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 24 phố Hoàng Hoa Thám, Thị Trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 097 4998256

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                         | 4520     |
| 2.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                      | 4541     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                  | 4543     |
| 4.  | Bán buôn gạo                                                                                           | 4631     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                 | 4653     |
| 6.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742     |
| 8.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                | 1020     |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                | 1622     |
| 10. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                    | 2211     |
| 11. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                           | 2220     |
| 12. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                          | 2393     |
| 13. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                     | 2394     |
| 14. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                               | 2395     |
| 15. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                          | 2396     |
| 16. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                               | 2410     |
| 17. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                       | 2591     |
| 18. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                           | 2592     |
| 19. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                             | 2610     |
| 20. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                              | 2620     |
| 21. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                     | 2640     |
| 22. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                         | 2710     |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                     | 2731 |
| 24. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                  | 2732 |
| 25. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733 |
| 26. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                       | 2740 |
| 27. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                   | 4100 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290 |
| 29. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |
| 30. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390 |
| 31. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                     | 4511 |
| 32. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                               | 4610 |
| 33. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620 |
| 34. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                    | 4641 |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 36. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                         | 1010 |
| 37. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                   | 4634 |
| 38. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719 |
| 39. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721 |
| 40. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722 |
| 41. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 42. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4730 |
| 43. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 44. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 45. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 46. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 47. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 48. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710 |
| 49. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                         | 3530 |
| 50. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                            | 4512 |
| 51. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                       | 4513 |
| 52. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 53. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 54. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 55. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659 |
| 56. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |

|     |                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 57. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 58. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030        |
| 59. | Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự                                                                         | 1074        |
| 60. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                    | 4312        |
| 61. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                      | 4322        |
| 62. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                   | 4530        |
| 63. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                  | 4542        |
| 64. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 65. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663        |
| 66. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                     | 5224        |
| 67. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                         | 4661        |
| 68. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669(Chính) |
| 69. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                      | 4751        |
| 70. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                          | 4753        |
| 71. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                     | 4771        |
| 72. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                  | 4931        |
| 73. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                          | 5210        |
| 74. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                  | 7730        |
| 75. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                  | 4662        |
| 76. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                               | 2720        |
| 77. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                            | 2750        |
| 78. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                            | 4210        |
| 79. | Xây dựng công trình công ích                                                                                         | 4220        |
| 80. | Phá dỡ                                                                                                               | 4311        |
| 81. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                | 4321        |
| 82. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329        |
| 83. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075        |
| 84. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 1079        |
| 85. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                        | 1080        |
| 86. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                       | 1610        |
| 87. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                    | 1621        |
| 88. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                 | 2013        |
| 89. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                     | 2212        |
| 90. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                           | 2391        |

|     |                                       |      |
|-----|---------------------------------------|------|
| 91. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2392 |
| 92. | Sản xuất thiết bị điện khác           | 2790 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: **TRẦN ĐỨC NGUYỄN**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 20/03/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121818387

Ngày cấp: 20/05/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồng Nghĩa, Xã Hồng Kỳ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồng Nghĩa, Xã Hồng Kỳ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: **TRẦN ĐỨC NGUYỄN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/03/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121818387

Ngày cấp: 20/05/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồng Nghĩa, Xã Hồng Kỳ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồng Nghĩa, Xã Hồng Kỳ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang